

LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ

QUYỂN 7

Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN (PHẦN 5)

Đã giải thích xong các nhân, vậy duyên là gì?

Tụng nêu: (Âm Hán):

*Thuyết hữu tứ chủng duyên
Nhân duyên ngũ nhân tánh
Đẳng vô gián phi hậu
Tâm tâm sở dĩ sinh
Sở duyên nhất thiết pháp
Tăng thượng tức năng tác.*

Dịch nghĩa:

*Nói có bốn loại duyên:
Nhân duyên tính năm nhân,
Đẳng vô gián chẳng sau
Tâm, tâm sở dĩ sinh
Sở duyên tất cả pháp,
Tăng thượng tức năng tác.*

(Có bốn loại duyên được nói đến. Nhân duyên chính là tánh năm nhân. Đẳng vô gián là các tâm tâm sở dĩ sinh ngoại trừ các tâm tâm sở cuối cùng. Sở duyên là tất cả các pháp. Tăng thượng duyên là nhân năng tác).

Luận: Duyên được nơi nào nói đến? Kinh nói: “Có bốn tánh duyên là tánh nhân duyên, tánh đẳng vô gián duyên, tánh sở duyên duyên, tánh tăng thượng duyên”.

Ở đây khi nói “tánh duyên” là để chỉ cho các loại duyên.

Trong sáu nhân, nếu loại trừ nhân năng tác, thì năm nhân còn lại lập thành tánh nhân duyên.

Nếu loại trừ tâm và các tâm sở cuối cùng của A-la-hán vào lúc

nhập Niết-bàn thì tất cả các tâm tâm sở đã sinh, đều là đẳng vô gián duyên.

Chỉ có tâm tâm sở làm đẳng vô gián duyên. Chúng là đẳng vô gián duyên của các pháp nào?

1. Loại duyên này có tên là đẳng vô gián, vì chúng sinh khởi các pháp bằng nhau (đẳng) và ngay tức khắc (vô gián).

Đối với các pháp khác như sắc v.v... đều không có sự bằng nhau giữa nhân và quả. Thật vậy, tiếp theo sau một sắc thuộc cõi Dục, có thể cùng thời sinh khởi hai vô biểu sắc, một thuộc cõi Dục và một thuộc cõi Sắc, hoặc hai vô biểu sắc là một thuộc cõi Dục và một thuộc vô lậu. Trong khi tiếp theo sau một tâm thuộc Dục giới không bao giờ cùng thời sinh khởi một tâm thuộc cõi Dục và một tâm thuộc cõi Sắc. Sự sinh khởi của các sắc vốn tạp loạn, trong lúc đẳng vô gián duyên không bao giờ sinh quả tạp loạn vì thế các sắc pháp không thể làm đẳng vô gián duyên.

Tôn giả Thế Hữu nói: Trong một thân, nếu sự tương tục của sắc trường dưỡng không bị đứt đoạn, thì có thể sinh khởi một sắc trường dưỡng thứ hai vì thế không thể lập sắc làm đẳng vô gián duyên.

Đại đức nói: Sắc pháp có thể trực tiếp sinh ra ít pháp hoặc nhiều pháp vì thế nó không phải là đẳng vô gián duyên. Có khi từ nhiều pháp lại sinh ra ít pháp, như trong trường hợp một đồng rơm bị đốt thành tro, có khi từ ít pháp lại sinh ra nhiều pháp, như trong trường hợp một hạt giống rất nhỏ lại sinh ra rễ, thân, cành và lá của một cây vả v.v...

Vấn nạn: Khi các tâm nối tiếp nhau, có phải chúng luôn luôn có số lượng các loại tâm sở tương ứng bằng nhau không? Và nếu không phải, thì tâm sinh khởi trước đó sẽ có các tâm sở với số lượng lớn hơn, tâm sinh khởi sau đó, sẽ có các tâm sở với số lượng ít hơn, và ngược lại. Các tâm thiện, bất thiện, vô ký nối tiếp nhau và chúng sẽ không có cùng số lượng các tâm sở tương ứng, các loại thiền định nối tiếp nhau có thể có hoặc không có tâm tứ. Như vậy đối với các tâm sở cũng như sắc pháp đều không có sự bằng nhau.

Giải thích: Đúng như vậy! Tiếp theo sau các tâm sở với số lượng lớn hơn vẫn có thể có các tâm sở khác với số lượng nhỏ hơn, và ngược lại, tuy nhiên đó chỉ là sự gia tăng hoặc giảm thiểu của các loại tâm sở khác nhau. Nếu các tâm sở chỉ thuộc về một loại thì không bao giờ không bằng nhau. Không có trường hợp theo sau các thọ với số lượng nhỏ lại sinh khởi các thọ với một số lượng nhiều hơn, và ngược lại! Điều này có nghĩa một tâm có một thọ tương ứng thì không bao giờ được tiếp

nổi do một tâm có hai hoặc ba thọ tương ứng! Đối với tướng và các tâm sở khác cũng như vậy.

Hỏi: Như vậy có phải chỉ có trường hợp thuộc cùng loại, thì pháp đi trước mới có thể làm đẳng vô gián duyên cho pháp theo sau? Và như vậy, thọ chỉ có thể làm đẳng vô gián duyên cho thọ?

Đáp: Không phải! Nói chung thì các tâm sở đi trước làm đẳng vô gián duyên cho các tâm sở đi sau, và không phải chỉ có các tâm sở cùng loại. Tuy nhiên khi quán sát trường hợp của các tâm sở cùng loại thì không thấy có sự tiếp nối giữa nhiều và ít hoặc ngược lại, vì thế mới có thể chứng minh ý nghĩa “bằng nhau” và “tức thời” của loại duyên này.

Có luận sư chủ trương ngược lại. Họ cho: Một pháp chỉ làm đẳng vô gián duyên cho một pháp cùng loại, có nghĩa là từ tâm chỉ sinh ra tâm, từ thọ chỉ sinh ra thọ v.v...

Vấn nạn: Nếu chủ trương như vậy, thì khi một pháp nhiễm sinh khởi tiếp theo sau một pháp vô nhiễm tức nhiễm, pháp này không phải sinh khởi từ đẳng vô gián duyên.

Giải thích: Chính phiền não bị diệt trước đó, làm đẳng vô gián duyên cho phiền não làm nhiễm ô pháp kế tiếp. Phiền não trước đó được xem như là pháp trực tiếp hiện khởi ngay trước phiền não theo sau, cho dù nó bị gián cách với phiền não sau đó do một pháp vô nhiễm, vì nếu bị ngăn cách vì một pháp khác loại thì không tạo thành sự gián cách. Trường hợp này cũng xảy ra đối với loại tâm, khi ra khỏi (xuất tâm) định diệt. Loại tâm này, lấy tâm nhập định bị diệt trước đó làm đẳng vô gián duyên, vì tự thân định diệt thì không tạo thành sự gián cách.

Luận chủ: Chủ trương ở trên không thể chấp nhận được, vì nếu đúng như vậy, thì tâm vô lậu sinh khởi lần đầu tiên sẽ không có đẳng vô gián duyên!

Các hành pháp không tương ứng với tâm cũng sinh khởi tạp loạn giống như các sắc pháp vì thế không phải là đẳng vô gián duyên, theo sau một pháp đặc thuộc Dục giới có thể đồng thời đạt được các pháp thuộc ba cõi và các pháp vô lậu v.v...

Hỏi: Tại sao không thừa nhận các pháp vị lai là đẳng vô gián duyên?

Đáp: Vì các pháp vị lai vốn tạp loạn, không có trước sau.

Hỏi: Nếu vậy làm sao Đức Thế Tôn có thể biết được pháp vị lai nào sinh khởi trước và pháp vị lai nào sinh khởi sau? Đức Thế Tôn có

thể biết được thứ tự sinh khởi của tất cả các pháp, cho đến điểm cuối cùng của thời gian.

Tỳ-bà-sa: Biết được là nhờ sự tỉ lượng rút ra từ quá khứ và hiện tại. Về quá khứ, Đức Thế Tôn thấy được loại nghiệp nào sinh ra loại quả nào, loại pháp nào sinh khởi từ loại pháp nào. Về hiện tại, thì thấy được đây là loại nghiệp gì, từ loại nghiệp này sẽ có loại quả gì sinh ra ở vị lai, đây là loại pháp gì và từ loại pháp này sẽ sinh ra loại pháp nào...

Tuy nhiên sự hiểu biết của Đức Thế Tôn không thuộc về tỉ lượng, mà lại thuộc về nguyện trí. Dựa vào sự đối chiếu rút ra từ quá khứ và hiện tại, Đức Thế Tôn nhìn thấy trực tiếp các pháp đang tồn tại một cách tạp loạn trong vị lai và biết chắc: “Một người tạo tác một nghiệp như thế, chắc chắn sẽ thọ nhận một quả báo như thế ở vị lai”.

Luận chủ: Theo giải thích của các ông thì nếu Đức Thế Tôn không xét đến quá khứ tức sẽ không biết được vị lai, và như vậy sẽ không còn là biến tri.

Có luận sư nói: Trong thân tướng tục của chúng sinh, có một pháp nào đó làm điềm triệu, báo trước các quả sẽ sinh ở vị lai, điềm triệu này là một hành pháp không tương ứng với tâm. Đức Thế Tôn đã quán sát hành pháp này và biết được quả vị lai, chứ không cần phải nhập vào thiền định và thông tuệ.

Kinh bộ: Nếu như vậy, Đức Thế Tôn sẽ là một nhà chiêm tướng chứ không phải hiện quán!

Luận chủ: Thật ra Đức Thế Tôn có thể tùy ý biến tri các pháp chứ không phải tỉ lượng hay chiêm tướng. Và đây là chủ trương đúng đắn của các luận sư Kinh bộ, được chứng thực qua một lời dạy của Đức Thế Tôn: “Các phẩm tánh của Phật, các cảnh giới của Phật thì không thể nghĩ bàn”.

Vấn nạn: Nếu pháp vị lai không có trước sau, làm thế nào có thể nói: “Ngay sau Pháp Thế-đệ-nhất chỉ sinh khởi khổ pháp trí nhãn chứ không có một pháp nào khác” và “ngay sau định kim cang dụ chỉ sinh khởi tận trí”?

Trả lời của Tỳ-bà-sa: Nếu sự sinh khởi của pháp này có quan hệ với pháp kia, thì ngay sau pháp kia, tức sẽ sinh khởi pháp này. Cũng giống như mầm mống sinh khởi liền sau hạt giống, mà không có đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Tại sao tâm tâm sở cuối cùng của một A-la-hán không phải là đẳng vô gián duyên?

Đáp: Do không có tâm tâm sở nào sinh ra sau đó.

Hỏi: Các ông có nói, ý chính là tâm (tâm, thức) vừa mới diệt và làm chỗ dựa cho một thức kế tiếp. Như vậy, nếu không còn có tâm nào nối tiếp tâm cuối cùng của A-la-hán thì tâm cuối cùng này không thể gọi là ý và cũng không phải là đẳng vô gián duyên, nhưng tại sao vẫn gọi tâm này là ý?

Đáp: Trường hợp này không giống như vậy. Những gì tạo thành ý không phải là tác dụng, tức sự trì giữ một tâm kế tiếp, mà chính là tính chất làm chỗ dựa của nó đối với tâm này, và việc tâm này có sinh khởi hay không, không can dự đến điều này. Tâm cuối cùng của một A-la-hán chính là chỗ dựa. Nếu một tâm kế tiếp có tâm này làm chỗ dựa, nhưng lại không sinh, thì đó là vì thiếu các duyên cần thiết cho nó sinh khởi. Trong khi đó những gì tạo thành đẳng vô gián duyên lại chính là tác dụng. Một khi duyên này đã thủ quả, thì không có bất cứ pháp nào, không có bất cứ chúng sinh nào có thể ngăn cản quả này sinh khởi. Vì thế tâm cuối cùng của một A-la-hán được gọi là ý, mà không phải là đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Một pháp, nếu là đẳng vô gián đối với tâm, tức có một tâm nào đó làm đẳng vô gián duyên, thì pháp này có phải là tâm vô gián không, nghĩa là nó có đi liền ngay sau tâm này không?

Đáp: Có bốn trường hợp:

1. Tâm tâm sở xuất định của hai loại định vô tâm và tất cả các sát-na của hai loại định này, ngoại trừ sát-na thứ nhất, đều có loại tâm nhập định làm đẳng vô gián duyên, nhưng không đi liền theo tâm nhập định này.

2. Các tính chất sinh v.v... thuộc sát-na thứ nhất của hai loại định này và các tính chất sinh v.v... của tất cả tâm tâm sở ở trạng thái hữu tâm, đều đi liền theo sau một tâm nhưng không phải là đẳng vô gián duyên.

3. Sát-na đầu tiên của hai loại định này và tất cả tâm tâm sở ở trạng thái hữu tâm đều có loại tâm đi liền trước đó làm đẳng vô gián duyên.

4. Các tính chất sinh v.v... thuộc về tất cả các sát-na của hai loại định này và các tính chất sinh v.v... thuộc về các tâm tâm sở xuất định của hai loại định này không có đẳng vô gián duyên, vì chúng là các pháp không tương ứng với tâm và không đi liền theo sau một tâm nào cả.

Hỏi: Sở duyên duyên là gì?

Đáp: Tất cả các pháp hữu vi cũng như vô vi, đều làm sở duyên

duyên của tâm tâm sở, nhưng không phải là không có sự khác nhau. Tỉ dụ như nhãn thức và các tâm sở tương ứng như thọ v.v... đều có tất cả các sắc làm sở duyên duyên, nhĩ thức và các tâm sở tương ứng như thọ v.v... đều có tất cả các thanh làm sở duyên duyên, tỉ thức v.v... thì có hương, thiệt thức v.v... thì có vị, thân thức v.v... thì có xúc, và ý thức v.v... thì có pháp.

Khi một pháp đã làm đối tượng duyên của một tâm, thì không có lúc nào không làm đối tượng duyên cho tâm này. Có nghĩa là một sắc ngay khi không được nhãn thức chấp thủ làm đối tượng duyên, thì nó vẫn là một đối tượng duyên, vì dù được chấp thủ hay không, tính chất của nó vẫn không thay đổi. Cũng giống như củi vẫn là củi, ngay cả khi nó chưa được đốt cháy.

Về vấn đề một tâm chấp thủ một pháp làm đối tượng duyên, có thể lập thành ba tính chất quyết định. Tâm được quyết định: 1. Nhờ vào xứ, chẳng hạn như một nhãn thức chỉ duyên sắc xứ. 2. Nhờ vào sự, một nhãn thức nào đó như cái biết về màu xanh, màu đỏ v.v... chỉ duyên màu xanh, màu đỏ v.v... 3. Nhờ sát-na, một nhãn thức nào đó chỉ duyên một sát-na nào đó, của màu xanh.

Hỏi: Đối với chỗ dựa, có phải một tâm cũng được quyết định theo các cách trên đây?

Đáp: Phải. Tuy nhiên nếu ở hiện tại thì tâm được nối kết với chỗ dựa, nhưng ở quá khứ và vị lai, thì tâm lại tách rời với chỗ dựa. Có thuyết cho là ở hiện tại cũng như quá khứ, tâm đều nối kết với chỗ dựa.

Hỏi: Tăng thượng duyên là gì?

Đáp: Loại duyên tăng thượng này chính là nhân năng tác, vì nhân năng tác là điều kiện tăng thượng.

Sở dĩ có tên tăng thượng duyên là vì loại duyên này, thuộc về hầu hết các pháp và có tác động đến hầu hết các pháp.

Tất cả các pháp đều là đối tượng duyên của ý thức, tuy nhiên các pháp cùng hiện hữu (câu hữu) với một tâm nào đó, lại không phải là đối tượng duyên của tâm này, tuy nhiên chúng vẫn làm nhân năng tác cho tâm này. Do đó, tất cả các pháp đều là tăng thượng duyên xét về mặt nhân năng tác chứ không phải về mặt đối tượng duyên.

Bất cứ pháp nào, cũng có thể lấy tất cả các pháp khác làm nhân năng tác, ngoại trừ chính nó (tự thể).

Không một pháp nào có thể làm duyên cho chính mình. Pháp hữu vi không làm duyên cho pháp vô vi, và ngược lại.

Hỏi: Các duyên khởi tác dụng đối với các pháp khi các pháp, ở

vào giai đoạn nào, tức khi ở hiện tại, quá khứ hay vị lai?

Tụng đáp: (Âm Hán):

*Nhị nhân ư chánh diệt
Tam nhân ư chánh sinh
Dư nhị duyên tương vi
Nhị hưng ư tác dụng.*

Dịch nghĩa:

*Hai nhân trong khi diệt,
Ba nhân đúng lúc sinh,
Hai duyên khác ngược lại,
Mà sinh ra tác dụng.*

(Hai nhân khởi dụng khi pháp đang diệt. Ba nhân khởi dụng khi pháp đang sinh. Hai duyên khác theo thứ tự ngược lại trên đây mà khởi tác dụng).

Luận: Trước hết hãy xét đến nhân duyên, là loại duyên bao gồm năm nhân, tức loại trừ nhân năng tác.

Có hai nhân khởi tác dụng khi pháp đang diệt. Nói “đang diệt” là chỉ cho “hiện tại”. Pháp hiện tại được gọi là “đang diệt”, vì sau khi sinh, tức pháp hướng đến diệt.

Nhân câu hữu và nhân tương ứng khởi tác dụng đối với một pháp hiện tại, vì chúng chỉ khởi dụng đối với một pháp sinh khởi cùng thời với chúng.

Nói “Tam nhân ư chánh sinh” có nghĩa là: Khi một pháp đang sinh, tức chỉ cho pháp vị lai, vì pháp vị lai trước đó chưa sinh, nên đang hướng về sự sinh, thì có ba nhân đều khởi tác dụng là nhân đồng loại, nhân biến hành và nhân dị thực.

Về các duyên khác:

Theo thứ tự các duyên đã nói trước đây, trước hết là đẳng vô gián duyên. Loại duyên này khởi dụng giống như ba nhân ở trên, tức là: Khi một pháp đang sinh, các tâm tâm sở của sát-na trước đó sẽ nhường chỗ cho các tâm tâm sở đang sinh.

Kế tiếp là sở duyên duyên. Loại duyên này khởi dụng giống như hai nhân ở trên, tức vào lúc một pháp đang diệt. Pháp đang diệt này chính là tâm tâm sở làm chủ thể duyên ở hiện tại, đang nắm bắt một cảnh của đối tượng duyên ở hiện tại.

Về tăng thượng duyên, tác dụng của nó là không tạo thành chướng ngại, tức nó không ngăn ngại pháp hiện tại, quá khứ cũng như vị lai.

Hỏi: Có bao nhiêu duyên sinh ra các pháp khác nhau?

Tụng đáp: (Âm Hán):

*Tâm tâm sở do tứ
Nhị định đản do tam
Dư do nhị duyên sinh
Phi thiên thứ đẳng cố.*

Dịch nghĩa:

*Tâm tâm sở do bốn,
Hai định chỉ do ba,
Ngoài ra hai duyên sinh,
Chẳng do trời. Thứ tự.*

(Tâm tâm sở do bốn duyên. Hai định chỉ do ba duyên. Các pháp khác do hai duyên sinh. Không do trời, vì sinh khởi theo thứ tự v.v...).

Luận: Tâm và tâm sở sinh khởi nhờ bốn duyên: 1. Nhân duyên, tức năm nhân; 2. Đẳng vô gián duyên, tức tâm và tâm sở đã sinh trước đó và không bị các tâm tâm sở khác ngăn cách; 3. Sở duyên duyên, tức năm cảnh của đối tượng duyên, trong đó sắc là đối tượng duyên đầu tiên, hoặc tất cả các pháp đều là đối tượng duyên như trong trường hợp của ý thức; 4. Tăng thượng duyên, tức tất cả các pháp, ngoại trừ tâm tâm sở đang được nói đến.

Hai định do ba duyên, tức trừ sở duyên duyên, vì định vô tưởng và định diệt tận không nắm bắt, không biết đến cảnh của đối tượng duyên. Ba duyên này là: 1. Nhân duyên, gồm nhân câu hữu (tức các tính chất sinh v.v... của định) và nhân đồng loại (tức các pháp thiện đã sinh trước đó, thuộc về một tầng thiền nào đó, hoặc ở tầng thiền thứ tư hoặc Hữu đẳng tùy theo trường hợp); 2. Đẳng vô gián duyên, tức nhập tâm định và các tâm sở tương ứng với tâm này, nhập tâm định không bị ngăn cách vì bất cứ loại tâm nào trong tất cả các sát-na của định; 3. Tăng thượng duyên: giống như ở trên.

Hai loại định này, sinh khởi từ gia hạnh, từ tác ý của tâm, vì thế chúng có một tâm làm đẳng vô gián duyên, tuy nhiên vì chúng ngăn ngại sự sinh khởi của tâm, cho nên không phải là đẳng vô gián duyên của tâm xuất định mặc dù chúng tiếp cận với tâm này.

Các pháp khác là các hành pháp không tương ứng với tâm và các sắc pháp sinh khởi nhờ nhân duyên và tăng thượng duyên.

Tất cả các pháp có sinh khởi (sinh pháp), đều sinh từ năm nhân và bốn duyên đã nói ở trên. Thế gian không sinh ra từ một nguyên nhân độc nhất như trời, Ngã, Thắng tánh hoặc bất kỳ danh xưng nào khác.

Hỏi: Làm thế nào để có thể lập thành chủ trương trên đây?

Đáp: Nếu các ông nghĩ là có các lý lẽ để lập thành chủ trương này, thì các ông hãy loại bỏ chủ trương thế gian sinh khởi từ một nguyên nhân độc nhất của mình đi!

Nếu cho mọi sự đều được sinh ra do một nguyên nhân độc nhất, vì trời (Tự tại), Đại thiên v.v... thì điều này không thể chấp nhận được, vì những lý do sau:

1. Nếu mọi sự đều được sinh ra do một nguyên nhân độc nhất, lẽ ra chúng phải sinh khởi trong cùng một lúc, thế nhưng mọi người đều biết chúng được sinh khởi nối tiếp nhau.

Biện luận của chủ trương nhất nhân: Chúng sinh khởi nối tiếp nhau là do ý muốn của trời, có nghĩa là vì trời muốn vật này sinh ngay bây giờ, vật kia diệt ngay bây giờ, vật nọ sinh và diệt muộn hơn v.v...

Luận chủ: Nếu trời có ý muốn như vậy, thì mọi sự không sinh từ một nhân độc nhất, vì có nhiều ý muốn khác nhau. Mặt khác, các ý muốn này sẽ trở thành cùng thời vì trời, tức nhân của các ý muốn này, chỉ có một, và như thế mọi sự sẽ phải sinh ra trong cùng một thời điểm!

Biện luận: Các ý muốn của trời không phải cùng thời, vì khi tạo ra các ý này, thì trời cũng phải đợi nhiều nhân khác.

Luận chủ: Nếu phải đợi nhiều nhân khác, thì trời không phải là nguyên nhân độc nhất của mọi thứ. Và các nhân mà trời cần đến, vốn sinh khởi nối tiếp nhau, có nghĩa là chính chúng cũng phải tùy thuộc vào các nhân và các nhân này cũng phải tùy thuộc vào các nhân khác. Như vậy, sẽ không bao giờ có giới hạn cuối cùng!

Biện luận: Hãy thừa nhận rằng sự tương tục của các nhân là không có điểm khởi đầu.

Luận chủ: Nếu vậy, tức phải thừa nhận sự lưu chuyển này không có nguồn gốc? Các ông hãy từ bỏ chủ trương “nhất nhân” của mình, để tin theo thuyết nhân duyên của nhà Phật (Thích môn).

Biện luận: Các ý muốn của sinh khởi cùng thời, nhưng các sự vật thì không sinh khởi cùng thời vì chúng sinh khởi tùy theo ý muốn của trời, có nghĩa là lần lượt nối tiếp nhau.

Luận chủ: Điều này không thể chấp nhận được! Các ý muốn của trời trước sau vẫn không khác nhau. Giả sử như trời muốn: “Vật này hãy sinh ngay bây giờ! Vật kia sẽ sinh sau đó!”, thì trong trường hợp này, tại sao ý muốn thứ hai, trước đó vốn không đủ sức sinh khởi, về sau lại có thể sinh khởi? Tại sao về sau có khả năng sinh khởi trước đó lại không có khả năng sinh khởi? Hơn nữa vì lợi ích gì mà trời phải dùng đến công

lực lớn như vậy để sinh ra thế gian?

Biện luận: Vì phát tâm hoan hỷ cho nên trời mới sinh ra thế gian.

Luận chủ: Nếu vì phát tâm hoan hỷ, thì đó không còn là trời, là Tự tại nữa! Vì trời không thể làm được điều này, nếu không có một phương tiện. Nếu đã không thể tự tại đối với hỷ thì làm thế nào, trời có thể tự tại đối với thế gian? Hơn nữa có phải trời tìm thấy niềm vui khi nhìn thấy tất cả chúng sinh mà trời đã tạo ra, phải chịu đựng những khổ đau trong cuộc sống, kể cả những sự hành hạ ở địa ngục? Hãy kính lễ ông trời đi! Thật chính xác, khi một bài tụng của ngoại đạo đã diễn đạt thật hay về điều này: “Gọi trời là Lỗ-đạt-la, vì trời thiêu cháy, vì trời bén nhọn, hung dữ, ghê gớm, ăn thịt, máu và tử”!

Nếu tin trời là nguyên nhân độc nhất của thế gian, tức phủ nhận nhân duyên hiện thấy, công lao của con người (nhân công) từ khi đang còn hạt giống, cho đến khi trở thành mầm mống v.v... hoặc nếu vì đổi ý mà phải thừa nhận có các nhân và cho các nhân này chỉ để hỗ trợ trời, thì đó chỉ là lời nói suông để tỏ vẻ thành kính mà thôi, vì ngoài tác dụng của các nhân được gọi là phụ trợ này, chúng ta không thấy có một tác dụng riêng biệt nào của cái gọi là “Nguyên nhân độc nhất”! Hơn nữa, trời sẽ không còn là đáng Tự tại đối với các nhân phụ trợ này, khi mà phải nhờ đến công năng của chúng, mới có thể sinh ra quả. Có lẽ để tránh sự phủ nhận các nhân duyên, vốn đã rất hiển nhiên và để tránh sự khăng định một hành động có thật của trời, một hành động mà không có ai thấy được, những người tin vào Nguyên nhân độc nhất sẽ nói công việc của trời là sự tạo tác, thế nhưng sự tạo tác này, nếu chỉ tùy thuộc vào trời, thì cũng sẽ không có sự bắt đầu giống như trời, và đây là kết quả, mà những người này không bao giờ muốn thừa nhận.

Chúng tôi bác bỏ chủ trương về Ngã, Thắng tánh v.v... cũng giống như đã bác bỏ chủ trương về trời nói trên. Vì thế, không có một pháp nào chỉ sinh ra từ một nguyên nhân độc nhất.

Than ôi! Thế gian không tu thắng tuệ, cho nên mới trôi dạt từ kiếp này đến kiếp khác như loài cầm thú, thật đáng thương! Chúng sinh tạo nghiệp, rồi thọ quả của các nghiệp này, mà cứ tin chính trời là nguyên nhân của các quả này! Để phá tan sự tin tưởng mê muội này, không thể không trình bày chánh nghĩa.

Trên đây đã nói sắc pháp sinh khởi nhờ vào hai duyên là nhân duyên và tăng thượng duyên, đến đây cần giải thích thêm: Làm thế nào mà các đại chủng và các sắc được tạo có thể làm nhân duyên cho chính mình cũng như cho các pháp khác.

Tụng nói: (Âm Hán):

*Đại vi đại nhị nhân
Vi sở tạo ngũ chủng
Tạo vi tạo tam chủng
Vi đại duy nhất nhân.*

Dịch nghĩa:

*Đại, hai nhân cho đại,
Năm nhân cho sở tạo.
Tạo: ba nhân cho tạo
Nhân duy nhất cho đại.*

(Đại chủng làm hai nhân cho đại chủng và làm năm nhân cho sắc được tạo. Sắc được tạo làm ba nhân cho sắc được tạo và làm một nhân cho đại chủng).

Luận: Bốn đại chủng đất v.v... chỉ làm nhân đồng loại và nhân câu hữu cho bốn đại chủng.

Bốn đại chủng: Làm năm nhân, sinh khởi các sắc được tạo (như màu sắc, mùi vị v.v...). Năm nhân là nhân sinh, nhân y, nhân lập, nhân trì, và nhân dưỡng.

Bốn đại chủng làm nhân sinh vì các sắc được tạo sinh ra từ chúng, giống như con sinh ra từ cha mẹ. Làm nhân y, vì các sắc được tạo sau khi sinh khởi đều nương theo thế lực của các đại chủng, giống như học trò phải nương theo thầy v.v... Làm nhân lập, vì sắc được tạo được giữ vững nhờ đại chủng, giống như bức tường giữ lại bức tranh. Làm nhân trì, vì đại chủng là nguyên nhân khiến cho sắc được tạo không bị đứt đoạn. Làm nhân dưỡng vì đại chủng là nguyên nhân khiến cho sắc được tạo tăng trưởng.

Như vậy, có thể nói các đại chủng là khởi nhân, biến nhân, trì nhân, trụ nhân và trưởng nhân của sắc được tạo.

Các sắc được tạo làm nhân câu hữu, nhân đồng loại, và nhân dị thực cho nhau. Ở đây không kể đến nhân năng tác vì tất cả các pháp đều là nhân năng tác cho pháp khác.

Làm nhân câu hữu là các sắc được tạo của thân nghiệp và ngữ nghiệp thuộc loại đã nói ở trước (tức hai luật nghi). Làm nhân đồng loại là các sắc được tạo đã sinh đối với các sắc được tạo cùng loại. Làm nhân dị thực là thân nghiệp và ngữ nghiệp, như con mắt được sinh khởi là nhờ nghiệp dị thực.

Thân nghiệp và ngữ nghiệp tạo ra các đại chủng là quả dị thực, vì thế hai loại nghiệp này là nhân dị thực.

Trên đây đã nói về tâm và các tâm sở ở trước, làm đấng vô gián duyên cho tâm và các tâm sở ở sau, nhưng vẫn chưa giải thích, có bao nhiêu loại tâm, có thể sinh khởi liền sau mỗi loại tâm. Để trình bày điều này, trước hết hãy phân tích các loại tâm. Có tất cả mười hai loại:

Tụng: (Âm Hán):

*Dục giới hữu tứ tâm
Thiện ác phú vô phú
Sắc Vô sắc trừ ác
Vô lậu hữu nhị tâm.*

Dịch nghĩa:

*Dục giới có bốn tâm:
Thiện, ác, phú, vô phú.
Sắc, Vô sắc trừ ác
Vô lậu có hai tâm.
(Cõi Dục có bốn loại
Thiện, ác, hữu phú và vô phú
Cõi Sắc, cõi Vô sắc không có ác
Vô lậu có hai tâm).*

Luận: Bốn loại tâm thuộc về cõi Dục là thiện, ác (bất thiện), hữu phú vô ký, vô phú vô ký.

Ở hai giới trên chỉ có ba loại, tức trừ loại bất thiện.

Tâm vô lậu có hai loại là tâm của bậc Hữu học và tâm của A-la-hán hoặc Vô học.

Mười hai loại tâm này hỗ tương sinh khởi không giống nhau.

Tụng nói: (Âm Hán):

*Dục giới thiện sinh cửu
Thử phục tông bát sinh
Nhiễm tông thập sinh tứ
Dư tông ngũ sinh thất
Sắc thiện sinh thập nhất
Thử phục tông cửu sinh
Hữu phú tông bát sinh
Thử phục sinh ư lục
Vô phú tông tam sinh
Thử phục năng sinh lục
Vô sắc thiện sinh cửu
Thử phục tông lục sinh
Hữu phú sinh tông thất*

*Vô phú như sắc biện
Học tông tứ sinh ngũ
Dư tông ngũ sinh tứ.*

Dịch nghĩa:

*Dục giới: thiện sinh chín
Đây từ tám sinh ra.
Nhiễm từ mười sinh bốn,
Còn từ năm sinh bảy.
Sắc: thiện sinh mười một
Đây từ chín sinh ra.
Hữu phú từ tám sinh
Đây lại sinh ra sáu.
Vô phú từ ba sinh
Lại có thể sinh sáu
Vô sắc: thiện sinh chín
Đây từ sáu sinh ra
Hữu phú sinh từ bảy
Vô phú giống Sắc giới
Học: từ bốn sinh năm
Còn từ năm sinh bốn.*

(Tâm thiện cõi Dục sinh chín tâm và có thể sinh từ tám tâm. Tâm nhiễm sinh từ mười, và sinh ra bốn. Các loại còn lại sinh từ năm, và sinh ra bảy. Tâm thiện cõi Sắc sinh mười một tâm và có thể sinh từ chín tâm. Hữu phú sinh từ tám tâm và có thể sinh ra sáu tâm. Vô phú sinh từ ba tâm và có thể sinh ra sáu tâm. Tâm thiện cõi Vô sắc sinh chín tâm và có thể sinh từ sáu tâm. Hữu phú sinh ra bảy và sinh từ bảy tâm. Vô phú giống như ở Sắc giới. Tâm hữu học sinh từ bốn, và sinh ra năm. Tâm vô học sinh từ năm và sinh ra bốn).

Luận: 1. Ngay liền sau một tâm thiện thuộc cõi Dục, có thể sinh khởi chín tâm, đó là bốn tâm cõi Dục, hai tâm cõi Sắc: Một tâm thiện khi nhập định, một tâm hữu phú vô ký khi chết ở cõi Dục với tâm thiện và chuyển sang thân trung ấm của cõi sắc, một tâm cõi Vô sắc là hữu phú vô ký khi chết từ cõi Dục và tái sinh vào cõi Vô sắc (đây không phải là tâm thiện vì cõi Vô sắc cách xa cõi Dục về bốn phương diện: chỗ dựa, hành tướng, đối tượng duyên, đối trị cho nên không thể chuyển thẳng từ cõi Dục vào một tầng định của cõi Vô sắc), và hai tâm vô lậu thuộc hữu học và vô học khi nhập quán.

Tâm thiện có thể sinh khởi trực tiếp từ tám tâm, là bốn tâm cõi

Dục, hai tâm cõi Sắc: Thiện và hữu phú vô ký, khi xuất định - tức khi hành giả bị quấy rầy vì một định nhiễm ô mà xuất định, thì theo sau tâm nhiễm ô chính định này lại sinh khởi một tâm thiện thuộc hạ địa và nương tựa vào tâm này để không bị thoái thất, cùng hai tâm vô lậu thuộc hữu học và vô học khi xuất quán.

Tâm nhiễm ô, tức tâm bất thiện và hữu phú vô ký, có thể sinh khởi từ mười tâm, tức trong mười hai tâm trừ hai tâm vô lậu, vì tâm tái sinh ở cõi Dục thuộc về nhiễm ô và có thể theo sau bất kỳ loại tâm nào của ba cõi.

Từ tâm nhiễm ô, có thể sinh ra bốn tâm, tức bốn tâm cõi Dục.

Tâm vô phú vô ký, có thể sinh khởi từ năm tâm, là bốn tâm cõi Dục, cộng thêm một tâm thiện cõi Sắc: Vì hóa tâm cõi Dục, tức loại tâm có đối tượng duyên là hóa sự thuộc cõi Dục, đi tiếp theo sau một tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Từ tâm vô phú vô ký, có thể sinh ra bảy tâm, là bốn tâm thuộc cõi Dục, hai tâm thuộc cõi Sắc: Đó là một tâm thiện, vì từ loại hóa tâm nói trên, có thể sinh khởi trở lại một tâm thiện thuộc cõi Sắc, và một tâm hữu phú vô ký khi chết với tâm hữu phú vô ký và tái sinh vào cõi Sắc nơi mà tâm đầu tiên nhất định phải là hữu phú vô ký, một tâm thuộc cõi Vô sắc là tâm hữu phú vô ký khi chết với tâm hữu phú vô ký và tái sinh vào cõi Vô sắc.

2. Ngay liền sau một tâm thiện thuộc cõi Sắc có thể sinh khởi mười một tâm, tức trừ tâm vô phú vô ký của cõi Sắc.

Tâm thiện có thể sinh khởi từ chín tâm, tức trừ hai tâm nhiễm ô (bất thiện, hữu phú vô ký) của cõi Dục và tâm vô phú vô ký của cõi Vô sắc.

Tâm hữu phú vô ký có thể sinh khởi từ tám tâm, tức trừ hai tâm nhiễm ô của cõi Dục và hai tâm vô lậu.

Từ tâm hữu phú vô ký, có thể sinh ra sáu tâm là ba tâm thuộc cõi Sắc, ba tâm thiện, bất thiện và hữu phú vô ký, thuộc cõi Dục.

Tâm vô phú vô ký, có thể sinh khởi từ ba tâm thuộc cõi Sắc.

Từ tâm vô phú vô ký, có thể sinh ra sáu tâm là ba tâm thuộc cõi Sắc, hai tâm nhiễm ô thuộc cõi Dục, và một tâm nhiễm ô thuộc cõi Vô sắc.

3. Tâm vô phú vô ký, thuộc cõi Vô sắc có thể sinh khởi từ ba tâm thuộc ba giới.

Từ tâm vô phú vô ký, có thể sinh ra sáu tâm là ba tâm thuộc tự giới, hai tâm nhiễm ô thuộc cõi Dục, và một tâm nhiễm ô thuộc cõi

Sắc.

Từ tâm thiện có thể sinh ra chín tâm, tức trừ tâm thiện thuộc cõi Dục, tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục và thuộc cõi Sắc.

Tâm thiện có thể sinh khởi từ sáu tâm là ba tâm thuộc cõi Vô sắc, một tâm thiện thuộc cõi Sắc, và hai tâm vô lậu.

Từ tâm hữu phú vô ký, có thể sinh ra bảy tâm là ba tâm thuộc cõi Vô sắc, một tâm thiện thuộc cõi Sắc, hai tâm nhiễm thuộc cõi Dục, một tâm nhiễm thuộc cõi Sắc.

Tâm hữu phú vô ký, có thể sinh khởi từ bảy tâm, tức trừ hai tâm nhiễm ô thuộc cõi Dục, một tâm nhiễm ô thuộc cõi Sắc, và hai tâm vô lậu.

4. Tâm hữu học, tức tâm của Thánh giả không phải là A-la-hán, có thể sinh khởi từ bốn tâm là tâm hữu học và tâm thiện của ba giới.

Từ tâm hữu học có thể sinh ra năm tâm, là bốn tâm nói trên và tâm vô học.

Tâm vô học, có thể sinh khởi từ năm tâm, là tâm hữu học, tâm vô học, tâm thiện của ba giới.

Từ tâm vô học, có thể sinh ra bốn tâm, là tâm vô học và tâm thiện của ba giới.

Trên đây, đã giải thích sự hỗ tương sinh khởi của mười hai tâm, tiếp theo là phần nói về mười hai tâm được chia thành hai mươi tâm như thế nào.

Tụng nói: (Âm Hán):

*Thập nhị vi nhị thập
Vị tam giới tâm thiện
Phân gia hạnh sinh đắc
Dục vô phú phân tứ
Dị thực oai nghi lộ
Công xảo xứ thông quả
Sắc giới trừ công xảo
Dư số như tiền thuyết.*

Dịch nghĩa:

*Mười hai thành hai mươi
Là tâm thiện ba cõi
Chia gia hạnh sinh đắc
Dục: Vô phú chia bốn:
Dị thực, đường oai nghi
Công xảo xứ thông quả.*

*Sắc giới: trừ công xảo,
Còn lại: như trước nói.*

(Mười hai tâm thành hai mươi tâm là tâm thiện ở ba cõi được chia thành gia hạnh và sinh đắc. Vô phú cõi Dục được chia thành bốn là dị thực, đường oai nghi, công xảo xứ, thông quả. Vô phú cõi Sắc trừ bớt công xảo. Số còn lại như đã nói ở trước).

Luận: Tâm thiện thuộc ba cõi đều được chia làm hai loại: Được do gia hạnh (gia hạnh đắc) và được do bẩm sinh (sinh đắc), vì thế, có tất cả sáu loại tâm thiện tương đương với ba loại trong phần liệt kê đầu tiên ở trên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chia làm bốn loại: 1. Sinh từ nhân dị thực (dị thực sinh); 2. Thuộc về các oai nghi đi đứng nằm ngồi (đường oai nghi); 3. Thuộc về công nghệ (công xảo xứ); 4. Thuộc về sự biến hóa, tức là loại tâm mà nhờ nó một người có thần thông, có thể tạo ra sắc v.v... và các cảnh này được gọi là thông quả.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chia làm ba loại, vì ở cõi này không có công xảo xứ.

Không phân chia tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc vì ở đó chỉ có loại dị thực sinh.

Như vậy, có bảy loại vô phú vô ký tương đương với hai loại vô phú vô ký trong phần liệt kê đầu tiên, cộng thêm các tâm thiện, tức thành tất cả là hai mươi tâm: (Cõi Dục: Hai thiện, một bất thiện, một hữu phú vô ký, bốn vô phú vô ký. Cõi Sắc: Hai thiện, một hữu phú vô ký, ba vô phú vô ký. Cõi Vô sắc: Hai thiện, một hữu phú vô ký, một vô phú vô ký, một hữu học, một vô học).

Ba tâm vô phú vô ký là: Đường oai nghi, công xảo xứ và thông quả, có sắc-hương-vị-xúc làm cảnh của đối tượng duyên. Tâm công xảo xứ còn có thanh làm cảnh của đối tượng duyên.

Ba tâm này chỉ thuộc về ý thức, tuy nhiên năm thức thân lại có trước và chuẩn bị (gia hạnh) cho hai loại tâm đường oai nghi, và công xảo xứ.

Có luận sư cho rằng có một loại ý thức được dẫn khởi vì đường oai nghi, có khả năng duyên đủ mười hai cảnh từ nhãn căn cho đến pháp xứ.

Hai mươi loại tâm này hỗ tương sinh khởi như sau:

1. Ở cõi Dục có tám tâm là hai thiện, hai nhiễm ô (bất thiện, hữu phú vô ký), và bốn vô phú vô ký.

Tâm thiện thuộc gia hạnh đắc (thiện gia hạnh), trực tiếp sinh ra

mười tâm: Bảy tâm thuộc tự giới, tức trừ tâm thông quả, một tâm thiện gia hạnh thuộc cõi Sắc, một tâm hữu học và một tâm vô học, và sinh khởi từ tám tâm gồm: Bốn tâm thuộc tự giới, tức hai thiện và hai nhiễm ô, một tâm thiện gia hạnh và một tâm vô phú vô ký thuộc Sắc giới, một tâm hữu học và một tâm vô học.

Tâm thiện thuộc sinh đắc (thiện sinh đắc), trực tiếp sinh ra chín tâm: Gồm bảy tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả, hai tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, và sinh khởi từ mười một tâm là bảy tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả, tâm thiện gia hạnh và tâm vô phú vô ký thuộc Sắc giới, tâm hữu học và tâm vô học.

Hai tâm nhiễm ô trực tiếp sinh ra bảy tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả. Hai tâm này sinh khởi từ mười bốn tâm, đó là bảy tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả, bốn tâm thuộc cõi Sắc tức trừ thiện gia hạnh và thông quả, ba tâm thuộc cõi Vô sắc, tức trừ thiện gia hạnh.

Tâm dị thực sinh và đường oai nghi, trực tiếp sinh ra tám tâm, đó là sáu tâm thuộc tự giới, tức trừ thiện gia hạnh và thông quả, hai tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, và sinh khởi từ bảy tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả.

Tâm công xảo xứ, trực tiếp sinh ra sáu tâm thuộc tự giới, tức trừ thiện gia hạnh và thông quả, và sinh khởi từ bảy tâm cũng thuộc tự giới, tức trừ thông quả.

Tâm thông quả, trực tiếp sinh ra hai tâm là thông quả thuộc tự giới và thiện gia hạnh thuộc cõi Sắc, và sinh khởi từ hai tâm giống như trên.

2. Ở cõi Sắc có sáu tâm, đó là hai tâm thiện, một tâm nhiễm ô (hữu phú vô ký), ba tâm vô phú vô ký:

Tâm thiện gia hạnh, trực tiếp sinh ra mười hai tâm, đó là sáu tâm thuộc tự giới, ba tâm thuộc cõi Dục, tức thiện gia hạnh, thiện sinh đắc, và thông quả, tâm thiện gia hạnh thuộc cõi Vô sắc, tâm hữu học và tâm vô học. Tâm thiện gia hạnh sinh khởi từ mười tâm là bốn tâm thuộc tự giới, tức trừ đường oai nghi và dị thực sinh, hai tâm thuộc cõi Dục, tức thiện gia hạnh và thông quả, hai tâm thuộc cõi Vô sắc, tức thiện gia hạnh và hữu phú vô ký, tâm hữu học và tâm vô học.

Tâm thiện sinh đắc trực tiếp sinh ra tám tâm, đó là năm tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả, hai tâm thuộc cõi Dục, tức bất thiện và hữu phú vô ký, tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Tâm thiện sinh đắc sinh khởi từ năm tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả.

Tâm hữu phú vô ký, trực tiếp sinh ra chín tâm, đó là năm tâm

thuộc tự giới, tức trừ thông quả, bốn tâm thuộc cõi Dục, tức hai thiện và hai nhiễm ô. Tâm hữu phú vô ký sinh khởi từ mười một tâm là năm tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả, ba tâm thuộc cõi Dục, tức thiện sinh đắc, đường oai nghi và dị thực sinh, ba tâm thuộc cõi Vô sắc, tức trừ thiện gia hạnh.

Tâm dị thực sinh và đường oai nghi trực tiếp sinh ra bảy tâm, đó là bốn tâm thuộc tự giới, tức trừ thiện gia hạnh và thông quả, hai tâm thuộc cõi Dục, tức bất thiện và hữu phú vô ký, một tâm thuộc cõi Vô sắc, tức hữu phú vô ký, và sinh khởi từ năm tâm thuộc tự giới, tức trừ thông quả.

Tâm thông quả, trực tiếp sinh ra hai tâm thuộc tự giới, là thiện gia hạnh và thông quả, và cũng sinh khởi từ hai loại tâm này.

3. Ở cõi Vô sắc có bốn tâm là hai thiện, một hữu phú vô ký và một dị thực sinh.

Tâm thiện gia hạnh, trực tiếp sinh ra bảy tâm, đó là bốn tâm thuộc tự giới, một thiện gia hạnh thuộc cõi Sắc, tâm hữu học, tâm vô học, và sinh khởi từ sáu tâm, đó là ba tâm thuộc tự giới, tức trừ dị thực sinh, thiện gia hạnh thuộc cõi Sắc, tâm hữu học, và tâm vô học.

Tâm thiện sinh đắc, trực tiếp sinh ra bảy tâm, đó là bốn tâm thuộc tự giới, tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, tâm bất thiện và hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, và sinh khởi từ bốn tâm thuộc tự giới.

Tâm hữu phú vô ký, trực tiếp sinh ra tám tâm, đó là bốn tâm thuộc tự giới, tâm thiện gia hạnh và hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, tâm bất thiện và hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, và sinh khởi từ mười tâm là bốn tâm thuộc tự giới, tâm thiện sinh đắc, đường oai nghi, và dị thực sinh thuộc cõi Sắc và cõi Dục.

Tâm dị thực sinh, trực tiếp sinh ra sáu tâm, đó là ba tâm thuộc tự giới, tức trừ thiện gia hạnh, tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, tâm bất thiện và hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, và sinh khởi từ bốn tâm thuộc tự giới.

Tâm hữu học, trực tiếp sinh ra sáu tâm, đó là ba tâm thiện gia hạnh thuộc ba giới, tâm thiện sinh đắc thuộc cõi Dục, tâm hữu học, tâm vô học, và sinh khởi từ bốn tâm, đó là ba tâm thiện gia hạnh thuộc ba giới, và tâm hữu học.

Tâm vô học, trực tiếp sinh ra năm tâm, tức trong số sáu tâm sinh khởi từ tâm hữu học ở trên, trừ đi tâm hữu học (ba thiện gia hạnh, một thiện sinh đắc Dục giới, một tâm vô học), và sinh khởi từ năm tâm là ba tâm thiện gia hạnh thuộc ba giới, tâm hữu học, và tâm vô học.

Hỏi: Các tâm dị thực sinh, đường oai nghi, và công xảo xứ, đều trực tiếp sinh khởi từ tâm thiện gia hạnh thuộc cõi Dục. Tại sao không có trường hợp ngược lại?

Đáp: Tâm dị thực sinh không thích hợp với tâm thiện gia hạnh vì tâm này yếu kém và không có công dụng phát khởi tức thời. Tâm đường oai nghi và công xảo xứ, không thích hợp với tâm thiện gia hạnh, vì sự phát khởi của chúng thuộc về sự tạo tác của một oai nghi hoặc một tác phẩm.

Trái lại, loại tâm xuất, tức một loại tâm nào đó như dị thực sinh v.v... mà hành giả đã nương vào để ra khỏi chuỗi tâm thiện gia hạnh v.v..., lại có thể phát khởi tức thời, vì thế, loại tâm xuất này, có thể sinh khởi trực tiếp từ tâm gia hạnh.

Vấn nạn: Nếu tâm gia hạnh không thể trực tiếp sinh khởi từ tâm dị thực sinh v.v... vì các tâm này không thích hợp với tâm gia hạnh, thì tâm gia hạnh làm sao có thể sinh khởi từ loại tâm nhiễm ô vốn trái ngược với nó?

Giải thích: Đúng là tâm nhiễm ô trái ngược với tâm gia hạnh. Tuy nhiên, khi hành giả cảm thấy mệt mỏi vì sự hiện hành của các phiền não, mà hành giả muốn liễu tri, thì tâm gia hạnh vẫn có thể sinh khởi.

Vấn nạn: Tâm thiện sinh đắc thuộc cõi Dục vốn mãn lợi, vì thế, nó có thể sinh khởi từ hai tâm vô lậu, cũng từ tâm gia hạnh thuộc cõi Sắc, tại sao khi phát khởi tức thời, tâm thiện sinh đắc lại không có các tâm nói trên theo sau?

Giải thích: Tâm thiện sinh đắc thuộc cõi Dục vì mãn lợi, nên có thể sinh khởi từ tâm nhiễm ô thuộc cõi Sắc, nhưng tâm thiện sinh đắc thuộc cõi Sắc, lại không mãn lợi, cho nên không thể sinh khởi từ tâm nhiễm ô thuộc cõi Vô sắc.

Các tâm hỗ tương sinh khởi là nhờ tác ý. Tác ý có ba loại:

1. Tác ý tự tướng là loại tác ý chỉ duyên các tính chất riêng biệt, như quán sát: “Sắc pháp có tính chất biến ngại... thức có tính chất liễu biệt”.

2. Tác ý cộng tướng là loại tác ý chỉ duyên các tính chất chung, như duyên mười sáu hành tướng của bốn đế, vô thường v.v...: “Các pháp hữu vi thì vô thường”.

3. Tác ý thắng giải là loại tác ý không duyên các tính chất như hai loại trên, mà lại xuất phát từ thắng giải, nó điều động các sự quán sát thuộc về bất tịnh, về tứ vô lượng, về hữu sắc giải thoát, về thắng xứ, về biến xứ v.v...

Các luận sư thứ nhất: Có thể thành tựu Thánh đạo ngay sau ba loại tác ý này và ngược lại, có thể phát khởi ba loại tác ý này ngay sau Thánh đạo. Chủ trương này dựa vào đoạn kinh: “Có thể phát khởi niệm giác chi cùng với (có nghĩa là theo sau) việc tu quán bất tịnh”.

Các luận sư thứ ba của Tỳ-bà-sa: Chỉ theo sau cộng tướng tác ý mới có thể thành tựu Thánh đạo, và chỉ theo sau Thánh đạo, mới có thể phát khởi ba loại tác ý. Thật ra đoạn kinh được trích dẫn ở trên, chỉ hàm ý: Sau khi đã hàng phục tâm nhờ quán bất tịnh, hành giả mới có thể dẫn khởi tác ý cộng tướng, và ngay sau tác ý này, là sự thành tựu Thánh đạo. Kinh đã dựa vào hành động có tính chất trung gian của sự tu tập quán bất tịnh, để nói là “cùng với quán bất tịnh.”... (quán bất tịnh câu hành).

Các luận sư thứ tư của Tỳ-bà-sa: Chỉ theo sau tác ý cộng tướng mới có thể thành tựu Thánh đạo, và theo sau Thánh đạo cũng chỉ có thể dẫn khởi tác ý cộng tướng.

Luận chủ bác bỏ chủ trương của các luận sư thứ ba: Chắc chắn hành giả nếu đã nhập chánh tánh ly sinh, tức đã nhập vào Thánh đạo, nhờ nương vào ba địa ở dưới (hạ địa) là vị chí, tầng thiên thứ nhất, và tính lự trung gian), thì khi ra khỏi Thánh đạo, sẽ có thể dẫn khởi loại tác ý cộng tướng thuộc cõi Dục nhờ vào văn hoặc tư, vì các địa này ở gần. Tuy nhiên, khi hành giả đã nhập chánh tánh ly sinh, nhờ nương vào tầng thiên thứ hai, thứ ba, hoặc thứ tư, thì tác ý cộng tướng mà hành giả dẫn khởi khi ra khỏi Thánh đạo, sẽ thuộc về tầng nào? Chắc chắn không phải là tác ý cộng tướng thuộc cõi Dục vì cõi Dục quá cách xa các tầng thiên ở trên, và cũng không phải tác ý cộng tướng thuộc về một trong ba tầng này, vì hành giả chưa đạt được loại tác ý này trước đó, ngoại trừ trường hợp đang tu tập các pháp quán đầu tiên khi nhập Thánh đạo (thuận phần quyết trạch). Thánh giả cũng không thể phát khởi thuận phần quyết trạch một lần nữa, vì không thể có trường hợp, sau khi đã đắc quả lại phát sinh đạo gia hạnh một lần nữa!

Nếu cho, có riêng các tác ý cộng tướng khác, được tu tập cùng thời với thuận phần quyết trạch và thuộc cùng thể loại với thuận phần quyết trạch (tức cũng duyên các đế nhưng không duyên mười sáu hành tướng): Tỉ dụ như quán “các hành đều vô thường”, “các pháp đều vô ngã”, “Niết-bàn tịch tĩnh” (tức có sự quán sát chung do duyên toàn bộ Niết-bàn), thì đây là một loại tác ý cộng tướng khác, mà Thánh giả sẽ phát khởi khi ra khỏi Thánh đạo.

Tỳ-bà-sa không thừa nhận giải thích này, vì không hợp lý. (Thật

vậy, sự phát khởi các tác ý thuộc loại này, phải hệ thuộc thuận phần quyết trạch).

Giải thích hợp lý nhất là Thánh đạo có thể sinh khởi ba loại tác ý). Nếu đạt được quả A-la-hán khi nương vào định vị chí, thì tâm xuất quán hoặc ở vào chính địa này hoặc ở vào cõi Dục. Nếu đạt được quả này, khi nương vào Vô sở hữu xứ, thì tâm xuất quán hoặc ở vào chính địa này (Vô sở hữu xứ) hoặc ở vào Hữu đẳng (Phi tướng phi phi tướng xứ. Nếu đạt được quả này, khi nương vào một địa khác, thì tâm xuất quán chỉ thuộc về địa khác này.

Có loại tác ý đạt được do bẩm sinh (sinh sở đắc), có loại thành tựu qua thuyết giáo (văn sở thành), có loại thành tựu do tư duy (tư sở thành), có loại thành tựu do thiên định (tu sở thành). Ở cõi Dục có ba loại: Sinh sở đắc, văn sở thành và tư sở thành, vì thiên định không thuộc về cõi Dục. Ở cõi Sắc có ba loại: Sinh sở đắc, văn sở thành, và tư sở thành, vì ở giới này, ngay khi vừa mới suy nghĩ thì đã nhập định. Ở cõi Vô sắc chỉ có hai loại: Sinh sở đắc và tư sở thành. Vì thế có tám loại tác ý ở ba cõi (ba, ba và hai).

Thánh đạo không bao giờ sinh khởi từ loại tác ý sinh đắc, cho dù loại tác ý này thuộc bất kỳ cõi nào, vì Thánh đạo đòi hỏi nhiều gia hạnh, vì thế Thánh đạo sẽ sinh khởi từ năm tác ý, tức hai loại thuộc cõi Dục, hai loại thuộc cõi Sắc và một loại thuộc cõi Vô sắc. Tuy nhiên từ Thánh đạo có thể sinh khởi tác ý sinh đắc, vì loại này vốn sẵn lợi.

Hỏi: Khi làm hiện khởi mỗi một trong số mười hai tâm, thì có thể đạt được bao nhiêu tâm?

Tụng đáp: (Âm Hán):

*Tam giới nhiễm tâm trung
Đắc lục lục nhị chủng
Sắc thiện tam học tứ
Dư giai tự khả đắc.*

Dịch nghĩa:

*Nhiễm tâm thuộc ba cõi
Được sáu, sáu, hai tâm
Sắc: thiện ba, học bốn
Còn lại đều tự được.*

(Cùng với nhiễm, tâm thuộc ba cõi. Lần lượt được sáu tâm, sáu tâm, hai tâm. Tâm thiện cõi Sắc ba, tâm hữu học bốn. Các tâm khác, được chính các tâm này).

Luận: Đắc có nghĩa là thành tựu những gì trước đó chưa thành

tự.

1. Cùng với tâm nhiệm ô thuộc cõi Dục, được sáu tâm, trong số mười hai tâm.

Được tâm thiện thuộc cõi Dục: 1. Khi có lại các thiện căn, nhờ vào tâm Nghi vốn thuộc nhiệm ô; 2. Khi trở lại cõi Dục vì thoái đọa từ các giới cao hơn. Loại tâm đi đầu thai, nhất định phải thuộc nhiệm ô, cùng với tâm này, mà người ta thành tựu được tâm thiện thuộc cõi Dục vì chưa được nó trước đó.

Được các tâm bất thiện và hữu phú vô ký: 1. Khi trở lại cõi Dục vì bị thoái đọa từ các giới cao hơn (vì lúc đó thành tựu được một trong hai tâm này đang hiện khởi); 2. khi bị thoái thất lìa dục.

Được tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, khi thoái đọa từ cõi Vô sắc xuống cõi Dục. Cùng với tâm đi đầu thai thuộc cõi Dục, người ta thành tựu được tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Được tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc và tâm hữu học, khi thoái thất phẩm tánh A-la-hán vì một tâm thuộc cõi Dục.

Cùng với tâm nhiệm ô thuộc cõi Sắc, đạt được sáu tâm:

Được tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục và ba tâm thuộc cõi Sắc khi bị thoái đọa từ cõi Vô sắc xuống cõi Sắc.

Được tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc và tâm hữu học khi thoái thất phẩm tánh A-la-hán vì một tâm thuộc cõi Sắc.

Cùng với tâm nhiệm ô thuộc cõi Vô sắc, được tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc và tâm hữu học khi thoái thất phẩm tánh A-la-hán do một tâm thuộc cõi Vô sắc.

2. Cùng với tâm thiện thuộc cõi Sắc, được ba tâm: Chính tâm thiện này, và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục và cõi Sắc, tức là hóa tâm thuộc về hai cõi này.

3. Cùng với tâm hữu học, được bốn tâm. Khi hiện khởi tâm hữu học đầu tiên, tức khổ pháp trí nhãn, thì đạt được bốn tâm là tâm hữu học, hai tâm vô phú vô ký (tức hóa tâm) thuộc cõi Dục và cõi Sắc, và tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nhờ có Thánh đạo mà nhập được chánh tánh ly sinh và lìa bỏ cõi Dục và cõi Vô sắc.

4. Về các tâm không được nói đến ở phần trên, thì chỉ đạt được chúng khi chúng hiện tiền.

Có luận sư đã viết bài tụng nói: “Các bậc trí giả nói: Cùng với tâm nhiệm, có thể được chín tâm, cùng với tâm thiện, có thể được sáu tâm, cùng với tâm vô ký chỉ được tâm vô ký”!

Đối với tâm thiện, nên nói là “được bảy tâm”. Vì khi có lại các

thiền căn nhờ vào chánh kiến, thì đạt được tâm thiền thuộc cõi Dục, khi lìa bỏ cõi Dục thì đạt được hóa tâm thuộc cõi Dục và cõi Sắc, là hai tâm vô phú vô ký, khi đắc định thuộc cõi Sắc và Vô cõi sắc thì được các tâm thiền thuộc hai giới này, khi nhập vào Thánh đạo (chánh tánh ly sinh), thì được tâm hữu học, khi chứng quả A-la-hán thì được tâm vô học.

Đối với hai tâm còn lại, có thể dựa vào giải thích trước đây, để biết được số tâm đạt được. Để tóm tắt các ý nghĩa trên.

Tụng nói: (Âm Hán):

*Do thác sinh nhập định
Cập ly nhiễm thoái thời
Tục thiền vị đắc tâm
Phi tiên sở thành cố.*

Dịch nghĩa:

*Do thác sinh nhập định
Và lìa nhiễm, thoái thất
Được tiếp các thiền tâm
Mà trước đó chưa thành.*

(Do sự thác sinh, nhập định, và khi lìa nhiễm, thoái thất, và có lại thiện căn, được các tâm trước đó chưa thành tựu).

